

Bản án số: 113/2024/DS-PT

Ngày: 01-02-2024

V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt

Ông Lê Minh Đạt

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Diễm Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:** Bà Nguyễn Thị Xa Riêng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 491/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2023/DS – ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4556/2023/QĐ – PT ngày 25 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: số nhà I, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: số nhà A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1964 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: số A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

4. Người kháng cáo: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Đ trình bày:

Do quen biết và là hàng xóm của nhau nên bà có tham gia các dây hội do bà Nguyễn Thị O làm chủ. Cụ thể:

Dây 1: hội 2.000.000 đồng, khai ngày 18/8/2022, có 27 phần, bà tham gia 01 phần, mỗi tháng hội bỏ 300.000 đồng, khai được đến kỳ thứ 09, số tiền bà đã đóng là 15.300.000 đồng.

Dây 2: hội 1.000.000 đồng, khai ngày 15/01/2023, có 26 phần, bà tham gia 02 phần, mỗi tháng hội bỏ 200.000 đồng, hội khai được đến kỳ thứ 04, số tiền bà đã đóng là 6.400.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện, bà yêu cầu bà O cùng chồng là ông Đỗ Văn H có trách nhiệm liên đới trả cho bà 25.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Quá trình giải quyết vụ án, bà xác định lại bà O còn nợ bà tiền hội là 21.700.000 đồng; yêu cầu bà O và ông H có trách nhiệm liên đới trả cho bà 22.330.385 đồng bao gồm 21.700.000 đồng tiền hội và 630.385 đồng tiền lãi [tính từ ngày bà O tuyên bố bế hội (ngày 15/5/2023) đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 31/8/2023) với lãi suất 0,83%/tháng].

Quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị O trình bày:

Bà làm chủ hội hơn 20 năm; bà Đ có tham gia các dây hội do bà làm chủ và hiện bà còn nợ bà Đ tổng số tiền hội gốc là 21.700.000 đồng như bà Đ trình bày. Các dây hội bà Đ tham gia vẫn chưa mãn nhưng từ ngày 15/5/2023 các hội viên không đóng hội cho bà nên bà ngưng hội để trả dần tiền cho các hội viên. Bà đồng ý trả cho bà Đ số tiền này nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả xong nợ và không trả lãi do hoàn cảnh kinh tế của bà đang gặp khó khăn, thiếu nợ nhiều hội viên.

Việc bà làm chủ hội chồng bà là ông Đỗ Văn H không biết, sau khi khai hội được 4, 5 kỳ thì ông H biết và không đồng ý cho bà chơi hội; bà là người trực tiếp góp hội và giao hội. Bà và ông H sống chung từ năm 1984 cho đến nay, ở chung nhà, chung hộ khẩu, ông H làm vườn, ông bà không có làm kinh tế riêng, mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình đều do bà lo. Bà làm hội để dành tiền cho sau này, tiền lời bà sử dụng để chơi hội khác, bà hốt hội để lo ăn uống, chi tiêu sinh hoạt trong gia đình.

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn H trình bày:

Ông không tham gia vào việc tổ chức hội giữa vợ ông là bà O với các hội viên. Việc khai hội, góp hội ở đâu ông không biết; ông thường nhắc bà O không nên chơi hội vì dễ dẫn đến xích mích, mâu thuẫn với hàng xóm. Thường ngày ông chăm sóc

vườn, thu hoa lợi để nuôi sống bản thân và gia đình. Ông không liên quan đến tiền hụi của bà O.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị O và ông Đỗ Văn H chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị Đ số tiền nợ hụi là 22.330.385 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 21.700.000 đồng và số tiền lãi là 630.385 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/9/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn H kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án, ông không đồng ý cùng bà O liên đới trả nợ bởi vì ông không cho bà O làm chủ hụi, bà tự ý làm nên vợ chồng ông ăn riêng, tiêu xài riêng, ông không sử dụng tiền của bà O có được từ việc làm chủ hụi.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn H giữ nguyên kháng cáo. Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của ông H, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn H, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ theo Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt ông H.

[2] Bà Đ và bà O thống nhất giữa hai bên có xác lập giao dịch hui, bà Đ là hui viên tham gia hui do bà O làm chủ hui. Bà O đã ngừng các dây hui vào ngày 15/5/2023 và hiện bà còn nợ bà Đ số tiền hui là 21.700.000 đồng đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông H kháng cáo không đồng ý có nghĩa vụ liên đới cùng bà O trả nợ, do đó cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại nội dung này, các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

[3] Ông H trình bày ông không tham gia các giao dịch về hui giữa vợ ông là bà O với các hui viên, khi biết việc bà O làm chủ hui ông đã ngăn cản, do bà vẫn tự ý làm nên vợ chồng ông ăn riêng, ông không sử dụng tiền của bà O có được từ việc làm chủ hui. Bà O cũng cho rằng việc bà làm chủ hui ông H không biết, không tham gia.

Tuy nhiên, bà O thừa nhận bà làm chủ hui hơn 20 năm, thu nhập từ việc làm chủ hui bà dùng để lo kinh tế gia đình, vợ chồng bà không có làm kinh tế riêng, bà là người lo chi phí sinh hoạt trong gia đình vì vậy có cơ sở xác định mục đích bà O làm chủ hui là nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu và phát triển kinh tế trong gia đình.

Bà O và ông H đều thống nhất ông bà là vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, ông bà chung sống từ năm 1984 đến năm 1985 thì có 01 người con trai, hiện ông bà vẫn sống cùng nhà, cùng chung hộ khẩu, nên có căn cứ xác định hôn nhân của ông bà là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp. Ông H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện giữa ông và bà O có thỏa thuận về phân chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân, nghĩa vụ phát sinh từ tài sản riêng của mỗi người. Do đó, căn cứ theo quy định khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H có nghĩa vụ liên đới cùng bà O trả số tiền nợ hui cho bà Đ là phù hợp. Kháng cáo của ông H không có chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Kháng cáo không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2023/DS–ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự; các điều 21, 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường; khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị O và ông Đỗ Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Đ số tiền nợ hội là 22.330.385 đồng (hai mươi hai triệu ba trăm ba mươi nghìn ba trăm tám mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là 21.700.000 đồng (hai mươi một triệu bảy trăm nghìn đồng) và tiền lãi là 630.385 đồng (sáu trăm ba mươi nghìn ba trăm tám mươi lăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc bà Nguyễn Thị O và ông Đỗ Văn H phải liên đới chịu 1.116.519 đồng (một triệu một trăm mười sáu nghìn năm trăm mười chín đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Đỗ Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp tại biên lai thu số 0000700 ngày 15/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng